

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 31-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Trung Kiên.
2. Ông Nông Thanh Lù.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 05/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 18/01/2024 đối với:

* ***Bị cáo:*** Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn L), sinh ngày 01/6/1986, tại xã Đ, huyện L, tỉnh P.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐL3, xã Đ, huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1961; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1987; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 03/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về nhân thân: Ngày 16/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng từ ngày 27/9/2023 đến nay. Có mặt.

* ***Bị hại:*** Nguyễn Minh T, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Kinh doanh.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường G, thành phố B, tỉnh C.

Nơi tạm trú: Xóm N, thị trấn T, huyện L, tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã từng mua bán xe ô tô cũ với nhau, nên vào đầu tháng 6/2023 Nguyễn Văn V, trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh P có gọi điện cho anh Nguyễn Minh T, tạm trú tại N, thị trấn T, huyện L, tỉnh C hỏi có nhu cầu mua ô tô tải hay không, thì anh T trả lời có nhu cầu mua máy xúc, nên V đã vào mạng xã hội facebook để tìm và kết bạn với chủ tài khoản “Quân mua bán máy công trình” để lấy hình ảnh của máy xúc màu vàng cam, loại máy 90W gửi cho anh T, anh T nhất trí mua chiếc máy xúc trên với giá 360.000.000đ (ba trăm sáu mươi triệu đồng) và phí vận chuyển đến nơi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau khi thỏa thuận xong giá cả, theo yêu cầu của V phải đặt tiền cọc, tiền làm thủ tục mua bán ban đầu thì anh T đã chuyển 03 lần tiền vào các ngày 21, 22 và ngày 23/6/2023 vào tài khoản số 88881986999999 của V, với tổng số tiền là 170.000.000 đồng và chốt giao nhận máy vào ngày 25/6/2023 tại C. Tuy nhiên, V đã không giao máy như đã thoả thuận nên anh T đã liên lạc bằng điện thoại nhưng V không nghe, khi liên lạc được thì V lại trình bày do đánh bạc bị Công an bắt nên chưa kịp giao máy, do đã dùng tiền vào việc khác nên xin khát sẽ trả tiền sau. Do đòi không được tiền, nên tháng 7/2023 anh T đã có đơn tố cáo tại Công an huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó tin báo được chuyển về Hạ Lang để xử lý. Trong quá trình cơ quan điều tra đang xác minh, thu thập chứng cứ thì vào ngày 06/9/2023 V có tìm gặp anh T để lập văn bản thoả thuận về việc còn nợ anh T 170.000.000 đồng, hẹn trong 03 tháng đầu sẽ trả 90.000.000 đồng, 06 tháng sau sẽ trả hết nợ.

Ngày 27/9/2023, Công an huyện Hạ Lang ra Quyết định khởi tố bị can, đồng thời ra lệnh bắt V để tạm giam. Khi bắt giam, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, màu xanh dương được V dùng làm phương tiện liên lạc khi chiếm đoạt tài sản của anh T.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSHL ngày 05/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Bị cáo V thừa nhận toàn bộ các hành vi đã thực hiện đúng như Cáo trạng phản ánh và cho rằng việc truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan.

Người bị hại anh Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 170.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Văn V như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng. Sau khi phân tích nội dung vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt

bị cáo V từ 03 năm đến 04 năm tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh dương, màn hình cảm ứng của bị cáo. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 170.000.000 đồng cho anh Nguyễn Minh T. Về án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận với các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ, cho hưởng mức hình phạt thấp nhất. Người bị hại nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt và phần yêu cầu bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hạ Lang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội và các yếu tố cấu thành tội phạm: Do làm ăn thua lỗ và có quen biết từ trước với anh Nguyễn Minh T nên vào đầu tháng 6/2023, Nguyễn Văn V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T bằng các thủ đoạn như: Chủ động liên lạc bằng điện thoại hỏi nhu cầu mua máy, vào trang Facebook tìm hình ảnh loại máy xúc theo yêu cầu cho anh T xem, sau khi thống nhất được loại máy cần mua với giá 380.000.000 đồng, V đã đặt vấn đề với anh T là phải chuyển tiền đặt cọc, tiền công vận chuyển, tiền để làm thủ tục mua bán ban đầu, để tạo thêm lòng tin V đã yêu cầu anh Thụy chụp ảnh căn cước công dân để đứng tên trong hợp đồng mua bán máy. Do tin việc V có máy xúc để giao cho mình, nên anh T đã chuyển 170.000.000 đồng vào tài khoản của V. Trên thực tế, khi nhận được tiền V lại chuyển khoản cho những người khác để trả nợ mà không có tài liệu, chứng từ nào chứng minh cho việc đặt cọc, liên hệ với người bán máy xúc, cũng như hợp đồng vận chuyển máy cho anh T. Khi không nhận được máy, anh T liên lạc bằng điện thoại thì V không nghe máy, lúc liên lạc hoặc nhắn tin được thì V lại nói dối, đưa ra nhiều lý do nhằm khất nợ sau đó đến gặp anh T và viết giấy nhận nợ vào ngày 06/9/2023.

Như vậy, trước khi chiếm đoạt tài sản của anh T, V đã có hành vi đưa ra thông tin giả về việc mua bán máy xúc, được thể hiện qua các việc làm không có thật, bằng những thủ đoạn gian dối làm cho anh T tin tưởng việc mua bán máy xúc là có thật nên đã giao tiền cho V. Theo quy định của pháp luật hình sự, hành vi mà V đã thực hiện bị coi là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo V có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi

của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì động cơ, mục đích cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân về tài sản và trật tự an toàn xã hội, giá trị tài sản mà bị cáo xâm hại là 170.000.000 đồng. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Đối với văn bản “Giấy vay nợ” được bị cáo với anh T lập vào ngày 06/9/2023 với nội dung: V nợ anh T 170.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng chi trả, khát với anh Thụy sau 03 tháng sẽ trả 90.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả trong thời gian 06 tháng. Qua xem xét, giấy này được lập sau khi hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành, không thể coi giấy vay này là một giao dịch dân sự. Do đó, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện trước đó.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước lần phạm tội này, bị cáo V đã có 02 Bản án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trong đó, Bản án số 41/2015/HSST ngày 16/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đã được coi là đương nhiên xoá án tích, tuy không coi là tiền án nhưng bị coi là người có nhân thân xấu. Đối với Bản án số 01/2020/HSST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, nếu tính đến ngày bị cáo phạm tội mới thì theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 BLHS thì bị cáo chưa được coi là đương nhiên xoá án tích nên việc phạm tội lần này bị coi là “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một khoảng thời gian mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nợ nần nhiều nơi. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO, màn hình cảm ứng là tài sản của bị cáo, được dùng làm phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng được xác định là tài sản của anh T đã bị bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật, tính đến thời điểm này bị cáo vẫn chưa trả cho anh T nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền này.

[5]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V là người bị kết tội nên phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.500.000 đồng (170.000.000 X 5 %) án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/9/2023.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại VIVO, loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn V. Xác nhận chiếc điện thoại đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) gửi tới cơ quan Thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo số tiền và thời gian tương ứng, thực hiện lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (bằng thông báo);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lục Văn Doanh